

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long

Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Phú	Chủ tịch
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Lưu Ngọc Mai Phi	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Phú	Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Số: 440/VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con, sau đây gọi chung là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2016, từ trang 3 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2016
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Văn Đình Khuê
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1178-2013-001-1

2500-C
NHAI
NG T
NHIEH
LOIT
T NA
TP. HC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		715.984.468.655	674.324.250.697
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	157.626.036.758	188.495.115.029
1. Tiền	111		21.381.341.984	4.823.569.352
2. Các khoản tương đương tiền	112		136.244.694.774	183.671.545.677
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		441.352.656.116	257.384.941.666
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	441.352.656.116	257.384.941.666
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		104.532.810.450	174.978.631.118
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	63.902.619.680	133.772.053.697
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.859.566.687	8.928.059.770
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		203.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	45.894.518.819	48.453.262.395
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(8.326.894.736)	(16.174.744.744)
IV. Hàng tồn kho	140		9.706.119.232	49.891.297.717
1. Hàng tồn kho	141	10	9.706.119.232	49.891.297.717
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.766.846.099	3.574.265.167
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		75.465.262	92.492.678
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.691.380.837	3.481.772.489
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		929.605.024.845	919.122.365.440
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.015.000.000	-
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		1.015.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		760.991.752.807	583.118.277.396
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	742.637.939.266	564.171.292.815
- Nguyên giá	222		2.492.515.988.728	2.178.807.123.918
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.749.878.049.462)	(1.614.635.831.103)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	18.353.813.541	18.946.984.581
- Nguyên giá	228		22.600.843.910	22.600.843.910
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.247.030.369)	(3.653.859.329)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.128.628.795	167.194.104.018
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	1.128.628.795	167.194.104.018
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		162.536.501.290	167.609.315.885
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	18.300.846.972	8.498.144.533
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	150.860.000.000	152.080.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	15	(17.308.595.704)	(13.968.828.648)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6	10.684.250.022	21.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.933.141.953	1.200.668.141
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		124.541.893	124.541.893
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.076.126.248	1.076.126.248
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.732.473.812	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.645.589.493.500	1.593.446.616.137

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015		31/12/2014	
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		551.135.715.761		527.326.640.516	
I. Nợ ngắn hạn	310		174.365.946.792		181.880.036.628	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	24.252.397.446		22.872.163.965	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		18.438.000		96.954.862	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	15.367.543.632		43.580.650.677	
4. Phải trả người lao động	314		19.949.207.506		28.525.610.377	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	7.887.057.647		13.254.735.845	
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	20.469.731.231		21.064.769.588	
7. Vay ngắn hạn	320	20	74.278.140.072		44.348.186.150	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.143.431.258		8.136.965.164	
II. Nợ dài hạn	330		376.769.768.969		345.446.603.888	
1. Vay dài hạn	338	21	373.050.092.551		343.376.404.038	
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		59.483.200		45.561.600	
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342		1.917.041.375		2.024.638.250	
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.743.151.843		-	
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.094.453.777.739		1.066.119.975.621	
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	1.094.453.777.739		1.066.119.975.621	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		700.000.000.000		700.000.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		700.000.000.000		700.000.000.000	
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		56.454.368.091		56.454.368.091	
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-		(170.802.403)	
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		71.796.710.583		29.226.057.428	
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		227.640.629.136		245.211.093.878	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		18.661.272.693		5.884.445.223	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm này	421b		208.979.356.443		239.326.648.655	
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	23	38.562.069.929		35.399.258.627	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.645.589.493.500		1.593.446.616.137	

Buuuul

Bùi Thị Kim Na
Người lập biểu

Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	564.978.298.513	687.318.588.435
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		564.978.298.513	687.318.588.435
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	269.893.489.548	299.977.693.858
4. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		295.084.808.965	387.340.894.577
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	27.104.489.054	24.268.097.945
6. Chi phí tài chính	22	29	33.123.669.678	49.648.707.922
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		29.612.956.707	35.679.879.274
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	21.746.694.573	47.979.215.136
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		267.318.933.768	313.981.069.464
9. Thu nhập khác	31		515.485.579	1.872.194.625
10. Chi phí khác	32		451.406.441	2.125.281.023
11. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		64.079.138	(253.086.398)
12. Lỗ trong công ty liên kết	45		(371.008.313)	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		267.012.004.593	313.727.983.066
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	54.740.863.542	71.902.121.144
15. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		13.921.600	(366.956.260)
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		212.257.219.451	242.192.818.182
Phân bổ cho:				
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	61		3.277.863.008	2.866.169.527
- Cổ đông của công ty mẹ	62		208.979.356.443	239.326.648.655
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	2.985	3.273

Bùi Thị Kim Na
Người lập biểu

Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>267.012.004.593</i>	<i>313.727.983.066</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	137.516.934.940	144.845.495.258
Các khoản dự phòng	03	(4.508.082.952)	30.061.887.728
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(26.736.895.662)	(24.550.129.351)
Chi phí lãi vay	06	29.612.956.707	35.679.879.274
<i>3. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>402.896.917.626</i>	<i>499.765.115.975</i>
Thay đổi các khoản phải thu	09	93.446.893.320	(98.453.258.190)
Thay đổi hàng tồn kho	10	40.185.178.485	(746.973.641)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(8.706.595.394)	(27.414.788.364)
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác	12	(1.925.054.744)	106.338.230
Tiền lãi vay đã trả	13	(41.857.339.695)	(35.340.065.769)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(76.672.604.427)	(46.949.555.237)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.704.583.591)	(5.054.071.459)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>401.662.811.580</i>	<i>285.912.741.545</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(160.497.685.225)	(75.708.909.993)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	3.414.921	329.178.188
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(279.451.964.472)	(162.536.799.871)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	105.800.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(8.180.000.000)	(2.400.000.000)
6. Tiền thu lãi tiền gửi	27	24.689.675.990	19.059.160.457
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(317.636.558.786)</i>	<i>(221.257.371.219)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	380.293.160.657	371.795.271.330
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(320.689.518.222)	(320.419.628.098)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(174.498.973.500)	(140.408.958.100)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(114.895.331.065)</i>	<i>(89.033.314.868)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>	<i>50</i>	<i>(30.869.078.271)</i>	<i>(24.377.944.542)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	188.495.115.029	212.873.059.571
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	<u>157.626.036.758</u>	<u>188.495.115.029</u>

Bui
Bùi Thị Kim Na
Người lập biểu

uuuu
Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Phú
Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4403000108 ngày 01 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3800311306 đã đăng ký thay đổi lần 5 ngày 16 tháng 3 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 700.000.000.000 đồng, chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần, trong đó:

- Tổng Công ty Phát điện 2-Công ty TNHH MTV- Cổ đông Nhà nước nắm giữ 36.341.500 cổ phần tương ứng với 363.415.000.000 đồng, chiếm 51,92% vốn điều lệ;
- Cổ đông khác nắm giữ 33.658.500 cổ phần tương ứng với 336.585.000.000 đồng, chiếm 48,08% vốn điều lệ.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 18 tháng 6 năm 2009 với mã chứng khoán là TMP theo Quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 08 tháng 6 năm 2009 của Sở giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở giao dịch: Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 184 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 194 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy điện; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện; mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp; Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện; chế tạo, thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí, quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỏ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, xây lắp đường dây và trạm biến áp; kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác, lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Trồng khai thác cây nông nghiệp, cây lâm nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ, đường thủy; cho thuê phương tiện giao thông; kinh doanh dịch vụ kho hàng, bến bãi;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ, du lịch.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

00-2
HẮN
3 T
M HƯ
IT7
HAP
10 C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Cấu trúc doanh nghiệp

Các công ty con:

- Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên (gọi tắt là “Công ty Mỹ Hưng Tây Nguyên”) là công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 5800581747 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 08 tháng 07 năm 2008 (thay đổi lần 03 ngày 10 tháng 4 năm 2012). Trụ sở chính của Công ty Mỹ Hưng Tây Nguyên được đặt tại số 160 Đường Trần Phú, Xã Lộc Nga, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Mỹ Hưng Tây Nguyên bao gồm:

- + Sản xuất, truyền tải và phân phối điện – Chi tiết: Sản xuất điện;
 - + Xây dựng các loại;
 - + Phá dỡ;
 - + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - + Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
 - + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - + Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
 - + Chuẩn bị mặt bằng;
 - + Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ;
 - + Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu thông;
 - + Xây dựng các công trình, giao thông, thủy lợi, thủy điện, cấp thoát nước, hạ tầng khu công nghiệp.
- Môi giới thương mại. Đại lý ký gửi hàng hóa. Trang trí nội thất, ngoại thất, hoàn thiện công trình xây dựng. Quản lý dự án đầu tư. Hoạt động của các khu du lịch vui chơi giải trí và công viên theo chủ đề. Thoát nước và xử lý nước thải. Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Khai thác lâm sản.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của Công ty mẹ tại Công ty Mỹ Hưng Tây Nguyên là 99,78% và 99,92%.

- Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa (gọi tắt là “Công ty Đăkrosa”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 5900189597 cấp lần đầu ngày 06/01/2006. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 04/07/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp. Trụ sở giao dịch của Công ty Đăkrosa được đặt tại 117 Lê Đại Hành, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong kỳ theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh bao gồm:

- + Đầu tư xây dựng thủy điện vừa và nhỏ, kinh doanh điện năng và phát triển nhà ở;
- + Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bưu điện, đường dây và trạm biến thế điện;
- + Khai hoang phục hóa đồng ruộng;
- + Khai thác chế biến khoáng sản;
- + Đầu tư xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp;
- + Sản xuất kinh doanh, vật tư, phụ tùng thiết bị, vật liệu xây dựng, dịch vụ cho thuê và sửa chữa máy thi công;
- + Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- + Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- + Buôn bán máy móc, thiết bị điện vật liệu điện;
- + Gia công lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công;
- + Lắp đặt thiết bị thủy điện.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của Công ty mẹ tại Công ty Đăkrosa là 61,52% và 61,52%.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Các công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty Thuận Bình”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 16 tháng 01 năm 2009 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động chính của Công ty Thuận Bình là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.
- Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là “Công ty Hồ thủy điện Thác Mơ”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp ngày 21 tháng 06 năm 2012. Hoạt động chính của Công ty Hồ thủy điện Thác Mơ là khai thác và cung cấp nước cho sản xuất công nghiệp, nuôi trồng thủy sản nội địa nước ngọt và khai thác thủy sản nội địa nước ngọt.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Tuy nhiên, việc áp dụng các thông tư này không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

30112
CHI
CƠM
TỊCH NH
DELI
VIỆT
/ - TP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải vay, các khoản trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế tài chính công ty, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 25
Máy móc, thiết bị	08 - 15
Phương tiện vận tải	10 - 20
Thiết bị, văn phòng	05 - 10

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, thương hiệu và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Thương hiệu Cosevco do Tổng công ty Xây dựng Miền Trung góp vốn và phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí trong thời gian lần lượt là 5 năm và 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Công ty được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận hàng tháng của Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế tài nguyên được tính theo quy định tại Thông tư số 152 /2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên, hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế tài nguyên và Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16 tháng 12 năm 2013 về việc ban hành biểu mức thuế suất Thuế tài nguyên.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty trong việc ra các quyết định đối với các chính sách và hoạt động. Trong đó, bên liên quan của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất gồm các công ty liên kết của Công ty, Tập đoàn Điện lực Việt Nam cùng các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	1.984.754.629	1.891.729.074
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.396.587.355	2.931.840.278
Các khoản tương đương tiền	136.244.694.774	183.671.545.677
	<u>157.626.036.758</u>	<u>188.495.115.029</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước với thời hạn không quá 3 tháng với lãi suất từ 4% đến 4,6% một năm (năm 2014: lãi suất từ 4,5 đến 5% một năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠKhu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	441.352.656.116	441.352.656.116	257.384.941.666	257.384.941.666
Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	10.684.250.022	10.684.250.022	21.000.000.000	21.000.000.000

Đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 12 đến 13 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 6% đến 7% một năm (năm 2014: 6% đến 7,5% một năm). Tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán, các khoản tiền gửi nêu trên có thời hạn còn lại đến khi đáo hạn dưới 12 tháng.

Đầu tư dài hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Bình Phước, chi nhánh Phước Long với lãi suất 6,4% một năm (năm 2014: Đầu tư dài hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại Ngân hàng TMCP An Bình, chi nhánh Bình Phước với số tiền 20.000.000.000 đồng, lãi suất 6,5% một năm và công ty cổ phần Đầu tư Khai Thác Hồ Thủy Điện Thác Mơ với số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất 10,5% một năm). Tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán, các khoản tiền gửi nêu trên có thời hạn còn lại đến khi đáo hạn trên 12 tháng.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Phải thu khách hàng các bên liên quan (Thuyết minh 34)	61.931.328.505	132.058.059.030
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.971.291.175	1.713.994.667
	63.902.619.680	133.772.053.697

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Phải thu Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng - Ban quản lý Dự án Thủy điện 6 (Thuyết minh 34)	26.865.228.573	19.963.104.346
Phải thu Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpôk	-	10.749.260.242
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	7.623.750.552	5.208.937.488
Tài sản chờ xử lý (*)	8.070.760.171	8.070.760.171
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (Thuyết minh 34)	-	1.421.000.000
Phải thu khác	3.334.779.523	3.040.200.148
	45.894.518.819	48.453.262.395

(*) Đây là các khoản công nợ phải thu tồn đọng từ trước giai đoạn cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa nhưng đến nay vẫn chưa thu hồi được. Công ty đã lập dự phòng cho khoản phải thu này theo các quy định hiện hành (Thuyết minh số 9).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

9. NỢ QUÁ HẠN

	31/12/2015			31/12/2014		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị lập dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị lập dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpôk	-	-	-	10.749.260.242	-	10.749.260.242
Tài sản chờ xử lý (Thuyết minh số 8)	8.070.760.171	-	8.070.760.171	8.070.760.171	4.033.873.919	4.036.886.252
Các đối tượng khác	363.609.415	107.474.850	256.134.565	2.093.784.020	705.185.770	1.388.598.250
	8.434.369.586	107.474.850	8.326.894.736	20.913.804.433	4.739.059.689	16.174.744.744

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.426.933.188	46.737.014.322
Công cụ, dụng cụ	96.154.931	98.797.723
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.183.031.113	3.055.485.672
	9.706.119.232	49.891.297.717

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty không có hàng tồn kho quá hạn sử dụng, bị lỗi thời cần trích lập dự phòng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	1.445.725.685.529	604.148.637.552	118.511.576.960	10.421.223.877	2.178.807.123.918
Tăng trong năm	1.577.839.056	1.064.527.553	1.095.872.727	-	3.738.239.336
Đầu tư XDCB hoàn thành	310.223.387.631	1.500.681.111	-	-	311.724.068.742
Thanh lý	-	(1.311.572.218)	-	(441.871.050)	(1.753.443.268)
Tại ngày 31/12/2015	1.757.526.912.216	605.402.273.998	119.607.449.687	9.979.352.827	2.492.515.988.728
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	897.758.169.923	597.145.974.243	110.505.069.918	9.226.617.019	1.614.635.831.103
Khấu hao trong năm	131.074.293.004	1.369.049.668	4.235.644.399	316.674.556	136.995.661.627
Thanh lý	-	(1.311.572.218)	-	(441.871.050)	(1.753.443.268)
Tại ngày 31/12/2015	1.028.832.462.927	597.203.451.693	114.740.714.317	9.101.420.525	1.749.878.049.462
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	728.694.449.289	8.198.822.305	4.866.735.370	877.932.302	742.637.939.266
Tại ngày 31/12/2014	547.967.515.606	7.002.663.309	8.006.507.042	1.194.606.858	564.171.292.815

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định của Công ty bao gồm một số tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 798.862.434.506 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 603.932.525.753 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty đã thế chấp nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 405.747.139.530 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 533.561.766.788 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay theo hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Gia Lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠKhu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Thương hiệu VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015 và ngày 31/12/2015	20.531.643.910	2.000.000.000	69.200.000	22.600.843.910
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015	1.584.659.329	2.000.000.000	69.200.000	3.653.859.329
Khấu hao trong năm	593.171.040	-	-	593.171.040
Tại ngày 31/12/2015	2.177.830.369	2.000.000.000	69.200.000	4.247.030.369
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2015	18.353.813.541	-	-	18.353.813.541
Tại ngày 31/12/2014	18.946.984.581	-	-	18.946.984.581

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Dự án Thủy điện Đại Nga (*)	-	167.194.104.018
Khác	1.128.628.795	-
	<u>1.128.628.795</u>	<u>167.194.104.018</u>

(*) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên (Công ty con của Công ty) đã hoàn thành việc nghiệm thu chạy thử nhà máy thủy điện Đại Nga và đảm bảo đủ điều kiện để đi vào hoạt động. Do đó, Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên đã kết chuyển giá trị đầu tư xây dựng cơ bản và ghi nhận tạm tăng nguyên giá tài sản cố định với giá trị 310.416.220.147 đồng.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Bình Thuận	20%	20%	Phong điện - đang xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai Thác Hồ Thủy Điện Thác Mơ	Bình Phước	35%	35%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết được trình bày như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	17.800.000.000	8.400.000.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	500.846.972	98.144.533
	<u>18.300.846.972</u>	<u>8.498.144.533</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠKhu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng tài sản	198.523.500.985	41.486.239.672
Tổng công nợ	110.730.047.131	64.635.101
Tài sản thuần	87.793.453.854	41.421.604.571
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	<u>18.300.846.972</u>	<u>8.498.144.533</u>

	31/12/2015		
	Công ty CP Phong điện Thuận Bình	Công ty ĐT và KT Hồ thủy điện Thác Mơ	Tổng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trong năm	122.855.968	(1.130.227.163)	
Vốn chủ sở hữu	82.000.000.000	4.000.000.000	
Giá trị đầu tư	16.400.000.000	1.400.000.000	
Ti lệ sở hữu	20%	35%	
Lãi lỗ từ công ty liên kết liên doanh	<u>24.571.194</u>	<u>(395.579.507)</u>	<u>(371.008.313)</u>

15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Cơ điện Đồng Nai	1.280.000.000	-	1.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ Thủy điện Thác Mơ	-	-	1.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	149.580.000.000	(17.308.595.704)	149.580.000.000	(13.968.828.648)
	<u>150.860.000.000</u>	<u>(17.308.595.704)</u>	<u>152.080.000.000</u>	<u>(13.968.828.648)</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty CP Xây dựng Điện Hưng Thịnh	425.040.600	205.962.477
Công ty TNHH Tư vấn ĐTPT Bách Khoa	229.855.000	-
Trung tâm Công nghệ tài nguyên nước	211.966.861	-
Công ty CP TK - XD - CK Hải Minh	167.177.082	2.614.428.272
DNTN Phú Thành Phú	-	1.754.007.835
Viện Thủy Lợi và Môi Trường	-	1.406.843.000
Công ty CP Xây lắp Hùng Vương	887.688.224	1.992.415.346
Công ty 789 BQP	1.102.139.189	1.102.139.189
Công ty HH điện cơ đặc chủng Thái Hào Giang Tây	435.196.500	435.196.500
Công ty TNHH điện cơ Côn Minh	977.579.771	977.579.771
Công ty B. Fouress Private Limited (India)	3.247.262.384	4.066.532.196
Công ty Cổ phần Sông Đà 505 - Chi nhánh 515	10.072.880.572	1.281.277.894
Phải trả người bán ngắn hạn khác	6.495.611.263	7.035.781.485
	<u>24.252.397.446</u>	<u>22.872.163.965</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠKhu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	2.914.730.164	50.838.019.298	52.514.108.457	1.238.641.005
Thuế thu nhập doanh nghiệp	31.980.886.010	54.740.863.542	76.672.604.427	10.049.145.125
Thuế thu nhập cá nhân	20.574.808	2.869.570.537	2.878.227.340	11.918.005
Thuế tài nguyên	2.538.987.295	44.168.896.538	44.368.338.136	2.339.545.697
Phí dịch vụ môi trường rừng	6.125.472.400	15.346.931.420	19.744.110.020	1.728.293.800
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	86.044.104	86.044.104	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.604.409.767	1.604.409.767	-
	<u>43.580.650.677</u>	<u>169.654.735.206</u>	<u>197.867.842.251</u>	<u>15.367.543.632</u>

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Chi phí phải trả ngắn hạn là chi phí lãi vay trích trước tại ngày kết thúc niên độ.

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả cổ tức cho cổ đông	16.679.149.213	16.178.122.713
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Miền Trung	2.635.446.868	2.635.446.868
Các khoản phải trả khác	1.155.135.150	2.251.200.007
	<u>20.469.731.231</u>	<u>21.064.769.588</u>

20. VAY NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn (*)	30.350.025.691	7.348.186.150
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21)	43.928.114.381	37.000.000.000
	<u>74.278.140.072</u>	<u>44.348.186.150</u>

(*) Các khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

- Khoản vay ngắn hạn từ Hợp đồng tín dụng số 15005/2015-HĐTD/NHCT504-THACMO ký ngày 30 tháng 01 năm 2015 với hạn mức tín dụng được cấp là 28.000.000.000 đồng, Hợp đồng tín dụng số 150050/2015/HĐTDHM/NHCT504-THACMO ký ngày 15 tháng 4 năm 2015, Hợp đồng tín dụng số 150085/2015/HĐTDHM/NHCT504-THACMO ký ngày 30 tháng 06 năm 2015 và Hợp đồng tín dụng số 150105/2015/HĐTDHM/NHCT504-THACMO ký ngày 17 tháng 8 năm 2015 với hạn mức tín dụng được cấp là 30.000.000.000 đồng từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – chi nhánh Bình Phước với mục đích bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cho vay không quá 28 ngày kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Các khoản vay ngắn hạn được đảm bảo bằng các hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

- Khoản vay ngắn hạn từ Hợp đồng tín dụng số 314/HĐTD ngày 31/08/2015 từ Ngân hàng NN&PTNN tỉnh Gia Lai, mục đích vay dùng để bổ sung chi phí sản xuất kinh doanh. Số tiền cho vay tối đa là 10.000.000.000 đồng, giải ngân 2 lần, giải ngân lần đầu ngày 22/12/2015 với số tiền 4.969.332.028 đồng, lần thứ 2 là ngày 25/12/2015 với số tiền 5.030.667.972 đồng. Thời hạn cho vay là 9 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cố định là 8%/năm.

Như trình bày tại Thuyết minh số 33, Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ khi đến hạn.

21. VAY DÀI HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước ⁽¹⁾	257.079.000.000	283.079.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Gia Lai ⁽²⁾	9.929.318.858	20.929.318.858
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ⁽³⁾	149.969.888.074	76.368.085.180
	416.978.206.932	380.376.404.038
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20)	<u>(43.928.114.381)</u>	<u>(37.000.000.000)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>373.050.092.551</u>	<u>343.376.404.038</u>

(1) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước:

- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước, theo Hợp đồng tín dụng 14420023/2014 - HDDTDDDA/NHCT504-THACMO ngày 10 tháng 4 năm 2014 với mục đích trả nợ vay cho Tập đoàn Điện Lực Việt Nam và Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên, lãi vay được điều chỉnh và thanh toán 03 tháng một lần, nợ gốc được thanh toán 06 tháng một lần. Khoản vay được đảm bảo bởi nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị như trình bày ở Thuyết minh số 11.
- Hợp đồng tín dụng số 14570015/2014-HĐTDDDA/NHCT504-DAKROSA ngày 29 tháng 10 năm 2014, mục đích vay để thanh toán khoản vay đầu tư Nhà máy Thủy điện Đăkrosa 2 cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Gia Lai, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt. Thời hạn vay của hợp đồng là 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay là lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9,5%/năm và chỉ có giá trị tính lãi cho kỳ đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng. Tài sản đảm bảo của hợp đồng vay này là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay, vốn tự có (toàn bộ giá trị công trình Thủy điện Đăkrosa 2) và cầm cố nguồn thu bán điện hình thành trong tương lai.

(2) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Gia Lai theo Hợp đồng tín dụng số 89/HĐTD ngày 05/01/2004, mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng dự án công trình Thủy điện Đăkrosa, thời hạn vay 12 năm, trả lãi sau theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Gia Lai công bố. Tài sản đảm bảo của hợp đồng vay này là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay, vốn tự có (toàn bộ giá trị công trình Thủy điện Đăkrosa 2) và cầm cố nguồn thu bán điện hình thành trong tương lai.

(3) Khoản vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 015/2014/HĐTD/CIB-HCM ngày 26 tháng 6 năm 2014 với hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, lãi suất vay tương ứng với từng thời điểm nhận nợ và sẽ được điều chỉnh định kỳ 3 tháng một lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm.

1125
HI N
CÔNG
NHIE
LOI
ET M
TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
 Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Kỳ hạn trả nợ gốc: Bên vay được ân hạn trả nợ gốc 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau đó trả nợ gốc định kỳ 03 tháng/lần vào ngày 17, kỳ trả nợ gốc đầu tiên là 18/07/2016, tổng cộng gồm 33 kỳ trả nợ gốc. Trả nợ lãi cho Ngân hàng theo định kỳ 03 tháng/lần vào ngày 25, kỳ trả nợ lãi đầu tiên là ngày 25/01/2015.

Mục đích sử dụng tiền vay là để đầu tư dự án sản xuất điện năng “Xây dựng Nhà máy Thủy điện Đại Nga – công suất 10MW. Sản lượng điện sản xuất bình quân 44,25 triệu KWH” và tái tài trợ máy móc thiết bị phục vụ Dự án Thủy điện Đại Nga. Tài sản đảm bảo của hợp đồng vay này là toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay và vốn tự có thuộc dự án “Nhà máy Thủy điện Đại Nga” và các quyền tài sản phát sinh từ dự án địa phận xã Lộc Nga, huyện bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng cùng với toàn bộ các khoản phải thu trong tương lai cho đến khi Công ty tắt toán khoản vay.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Trong vòng một năm	43.928.114.381	37.000.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	233.489.159.704	177.339.744.411
Sau năm năm	<u>139.560.932.847</u>	<u>166.036.659.627</u>
	416.978.206.932	380.376.404.038
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở Thuyết minh số 20)	(43.928.114.381)	(37.000.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>373.050.092.551</u>	<u>343.376.404.038</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 33, Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ khi đến hạn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2014	700.000.000.000	56.454.368.091	24.298.260.652	(170.802.403)	156.605.005.332	35.835.256.767	973.022.088.439
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	239.326.648.655	2.866.169.527	242.192.818.182
Phân phối lợi nhuận	-	-	4.927.796.776	-	(4.927.796.776)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(5.442.763.333)	(241.641.667)	(5.684.405.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(140.000.000.000)	(3.060.526.000)	(143.060.526.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(350.000.000)	-	(350.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2014	700.000.000.000	56.454.368.091	29.226.057.428	(170.802.403)	245.211.093.878	35.399.258.627	1.066.119.975.621
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	208.979.356.443	3.277.863.008	212.257.219.451
Phân phối lợi nhuận	-	-	42.530.077.798	-	(42.530.077.798)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(10.102.634.000)	-	(10.102.634.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(175.000.000.000)	-	(175.000.000.000)
Tặng khác	-	-	-	-	350.000.000	-	350.000.000
Giảm chênh lệch tỷ giá	-	-	-	170.802.403	-	-	170.802.403
Điều chỉnh do hợp nhất	-	-	40.575.357	-	732.890.613	(115.051.706)	658.414.264
Số dư tại ngày 31/12/2015	700.000.000.000	56.454.368.091	71.796.710.583	-	227.640.629.136	38.562.069.929	1.094.453.777.739

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/NQ-TMHP-CD ngày 29 tháng 5 năm 2015, Công ty đã công bố cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2014 với số tiền là 175.000.000.000 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THẮC MƠKhu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2015	31/12/2014
Được phép phát hành và đã góp đủ vốn		
Số lượng (cổ phần)	70.000.000	70.000.000
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	700.000.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu	31/12/2015	31/12/2014
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phần phổ thông	70.000.000	70.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phần phổ thông	70.000.000	70.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc niên độ như sau:

Tên cổ đông	31/12/2015		31/12/2014	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH MTV	363.415.000.000	51,92	363.415.000.000	51,92
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	289.437.400.000	41,35	273.151.100.000	39,02
Khác	47.147.600.000	6,73	63.433.900.000	9,06
	700.000.000.000	100	700.000.000.000	100

Trong năm, Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh đã mua thêm 1.628.630 cổ phiếu và tăng tỉ lệ sở hữu từ 39,02% lên 41,35% vốn điều lệ của Công ty.

23. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa		
Vốn điều lệ của Công ty con	79.539.690.000	79.539.690.000
Trong đó:		
Vốn sở hữu bởi Công ty mẹ	48.934.430.000	48.934.430.000
Vốn sở hữu bởi cổ đông không kiểm soát	30.605.260.000	30.605.260.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	38,48%	38,48%
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên		
Vốn điều lệ của Công ty con	137.500.000.000	137.500.000.000
Trong đó:		
Vốn sở hữu bởi Công ty mẹ	137.390.000.000	137.390.000.000
Vốn sở hữu bởi cổ đông không kiểm soát	110.000.000	110.000.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	0,08%	0,08%

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠKhu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tổng tài sản	508.925.622.940	402.766.906.078
Tổng nợ phải trả	<u>(267.143.868.781)</u>	<u>(173.240.968.568)</u>
Tài sản thuần	<u>241.781.754.159</u>	<u>229.525.937.510</u>
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	217.039.690.000	217.039.690.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(170.945.915)
Các quỹ khác	1.636.676.379	936.676.379
Lợi nhuận chưa phân phối	<u>23.105.387.780</u>	<u>11.720.517.046</u>
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	38.562.069.929	35.399.258.627
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	30.605.260.000	30.605.260.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(143.512)
Các quỹ khác	629.793.070	360.414.078
Lợi nhuận chưa phân phối	<u>7.327.016.859</u>	<u>4.433.728.061</u>
	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận trong năm các công ty con	12.384.870.734	7.448.835.844
Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con	<u>3.277.863.008</u>	<u>2.866.169.527</u>
24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ		
Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.		
25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	2015	2014
	VND	VND
Doanh thu bán điện	558.824.383.921	681.571.954.076
Doanh thu cung cấp dịch vụ	<u>6.153.914.592</u>	<u>5.746.634.359</u>
	<u>564.978.298.513</u>	<u>687.318.588.435</u>
26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP		
	2015	2014
	VND	VND
Giá vốn sản xuất điện	264.756.375.865	294.009.144.569
Giá vốn dịch vụ cung cấp	<u>5.137.113.683</u>	<u>5.968.549.289</u>
	<u>269.893.489.548</u>	<u>299.977.693.858</u>

2500-0
 NHÃN
 CÔNG TY
 NHIỆM VỤ
 LOI T
 ỆT NA
 TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long

Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên vật liệu	4.193.001.471	4.141.969.737
Chi phí nhân công	39.016.215.249	44.499.620.301
Chi phí khấu hao tài sản cố định	137.516.934.940	144.845.495.258
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.074.096.469	4.685.665.648
Chi phí sửa chữa lớn	37.018.056.630	44.059.806.900
Chi phí khác	68.821.879.362	99.799.739.361
	<u>291.640.184.121</u>	<u>342.032.297.205</u>

28. DOANH THU TÀI CHÍNH

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	27.104.489.054	23.780.097.945
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	488.000.000
	<u>27.104.489.054</u>	<u>24.268.097.945</u>

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi vay	29.612.956.707	35.679.879.274
Dự phòng đầu tư dài hạn	3.339.767.056	13.968.828.648
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	170.945.915	-
	<u>33.123.669.678</u>	<u>49.648.707.922</u>

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nguyên vật liệu	1.937.656.411	1.680.956.995
Chi phí nhân công	16.153.788.405	18.288.214.931
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.565.836.627	1.483.106.390
Chi phí dự phòng	(7.847.850.008)	18.230.061.830
Trích lập Quỹ Khoa học và Công nghệ	1.743.151.843	-
Chi phí khác bằng tiền	8.194.111.295	8.296.874.990
	<u>21.746.694.573</u>	<u>47.979.215.136</u>
Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp		
Hoàn nhập dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(11.600.916.555)	(37.087.750)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	267.012.004.593	313.727.983.066
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(6.457.671.954)	21.043.460.745
<i>Trừ: thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(11.708.513.430)</i>	<i>(525.087.750)</i>
<i>Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>5.494.714.552</i>	<i>19.900.565.495</i>
<i>Điều chỉnh do ảnh hưởng của các bút toán hợp nhất</i>	<i>(243.873.076)</i>	<i>1.667.983.000</i>
Thu nhập chịu thuế	260.554.332.639	334.771.443.811
<i>Thu nhập chịu thuế suất 22%</i>	<i>245.999.103.743</i>	<i>324.695.020.492</i>
<i>Thu nhập chịu thuế suất 20%</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Thu nhập chịu thuế suất 10%</i>	<i>14.555.228.896</i>	<i>10.076.423.319</i>
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	54.657.401.707	71.858.972.376
<i>Thuế Thu nhập doanh nghiệp thuế suất 22%</i>	<i>54.119.802.823</i>	<i>71.432.904.508</i>
<i>Thuế Thu nhập doanh nghiệp thuế suất 20%</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Thuế Thu nhập doanh nghiệp thuế suất 5%</i>	<i>537.598.884</i>	<i>426.067.868</i>
<i>Bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước</i>	<i>83.461.835</i>	<i>43.148.768</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	54.740.863.542	71.902.121.144

Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên và Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa (Công ty con của Công ty) được hưởng một số ưu đãi về thuế suất và miễn giảm thuế như sau:

Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên:

- Đối với thu nhập từ Dự án Nhà máy Thủy điện Đại Nga, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi có doanh thu.
- Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi có doanh thu.

Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên có doanh thu từ năm 2015 nên được áp dụng thuế suất 10% từ năm 2015 đến năm 2029; miễn thuế từ năm 2015 đến 2018 và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm từ năm 2019 đến 2027.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa

- Đối với Dự án Nhà máy Thủy điện Đăkrosa, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi có doanh thu (năm 2007).
- Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi có doanh thu.

Theo đó, Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa được miễn thuế từ năm 2007 đến năm 2010, được giảm 50% số thuế phải nộp từ năm 2011 đến 2015, áp dụng mức thuế suất 10% từ năm 2016 đến năm 2021 và mức thuế suất theo quy định hiện hành từ năm 2022 trở về sau.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THẮC MƠKhu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	208.979.356.443	239.326.648.655
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(10.218.074.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	208.979.356.443	229.108.574.655
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	70.000.000	70.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.985	3.273

(*) Theo Thông tư 200, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu không bao gồm số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại để phù hợp với quy định của Thông tư 200.

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay ngắn hạn và dài hạn như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 và 19, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, vốn khác của chủ sở hữu, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay	447.328.232.623	387.724.590.188
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	157.626.036.758	188.495.115.029
Nợ thuần	289.702.195.865	199.229.475.159
Vốn chủ sở hữu	1.055.891.707.810	1.030.720.716.994
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,27	0,19

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	157.626.036.758	188.495.115.029
Phải thu khách hàng và phải thu khác	101.271.243.763	165.482.631.348
Các khoản đầu tư ngắn hạn	441.352.656.116	257.384.941.666
Các khoản đầu tư dài hạn	144.235.654.318	159.111.171.352
	844.485.590.955	770.473.859.395
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	447.328.232.623	387.724.590.188
Phải trả người bán và phải trả khác	28.013.079.464	27.724.347.944
Chi phí phải trả	7.887.057.647	13.254.735.845
	483.228.369.734	428.703.673.977

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá cổ phiếu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/tăng 8.946.564.652 đồng (năm 2014: giảm/tăng 7.754.491.804 đồng).

0-002
HÀNH
TY
HỮU H
TTE
IAM
IỘ CH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất****Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu***

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các đơn vị khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v... Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác được nắm giữ không phải vì mục đích kinh doanh mà cho chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu chủ yếu đến từ các công ty trong cùng Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 2 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	157.626.036.758	-	-	157.626.036.758
Phải thu khách hàng và phải thu khác	101.271.243.763	-	-	101.271.243.763
Các khoản đầu tư ngắn hạn	441.352.656.116	-	-	441.352.656.116
Các khoản đầu tư dài hạn	-	10.684.250.022	133.551.404.296	144.235.654.318
	700.249.936.637	10.684.250.022	133.551.404.296	844.485.590.955
31/12/2015				
Các khoản vay	74.278.140.072	233.489.159.704	139.560.932.847	447.328.232.623
Phải trả người bán và phải trả khác	28.013.079.464	-	-	28.013.079.464
Chi phí phải trả	7.887.057.647	-	-	7.887.057.647
	110.178.277.183	233.489.159.704	139.560.932.847	483.228.369.734
Chênh lệch thanh khoản thuần	590.071.659.454	(222.804.909.682)	(6.009.528.551)	361.257.221.221

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long

Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***31/12/2014**

Tiền và các khoản tương đương tiền	188.495.115.029	-	-	188.495.115.029
Phải thu khách hàng và phải thu khác	165.482.631.348	-	-	165.482.631.348
Các khoản đầu tư ngắn hạn	257.384.941.666	-	-	257.384.941.666
Các khoản đầu tư dài hạn	-	21.000.000.000	138.111.171.352	159.111.171.352
	611.362.688.043	21.000.000.000	138.111.171.352	770.473.859.395

31/12/2014

Các khoản vay	44.348.186.150	177.339.744.411	166.036.659.627	387.724.590.188
Phải trả người bán và phải trả khác	27.724.347.944	-	-	27.724.347.944
Chi phí phải trả	13.254.735.845	-	-	13.254.735.845
	85.327.269.939	177.339.744.411	166.036.659.627	428.703.673.977

Chênh lệch thanh khoản thuần

	526.035.418.104	(156.339.744.411)	(27.925.488.275)	341.770.185.418
--	------------------------	--------------------------	-------------------------	------------------------

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ ĐU CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan**

Tập đoàn Điện lực Việt Nam
 Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH MTV
 Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh
 Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
 Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH
 Công ty Mua bán điện
 Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực
 Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2
 Ban Quản lý Dự án Thủy điện 6
 Trung tâm Công nghệ Thông tin - Chi nhánh Tập đoàn Điện
 Lực Việt Nam
 Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình
 Công ty Cổ phần Đầu tư Khai Thác Hồ Thủy Điện Thác Mơ

Mối quan hệ

Công ty mẹ Tổng Công ty Phát điện 2
 Chủ sở hữu
 Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
 Đơn vị cùng Tập đoàn
 Đơn vị cùng Tập đoàn
 Đơn vị cùng Tập đoàn
 Đơn vị cùng Tập đoàn
 Đơn vị cùng Tập đoàn
 Đơn vị cùng Tập đoàn
 Đơn vị cùng Tập đoàn
 Đơn vị cùng Tập đoàn
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠKhu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	VND	VND
Bán hàng		
Công ty Mua bán điện	498.333.032.445	635.365.414.893
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	47.362.155.644	46.153.978.481
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	<u>13.129.195.832</u>	<u>-</u>
Chi phí lãi vay		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	3.939.951.311
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	<u>-</u>	<u>6.335.038.891</u>
Mua hàng		
Trung tâm Công nghệ Thông tin - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	<u>-</u>	<u>111.366.715</u>
Góp vốn		
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	<u>8.000.000.000</u>	<u>2.400.000.000</u>
Cổ tức đã trả		
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH MTV Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	90.853.750.000	72.683.000.000
	<u>69.152.600.000</u>	<u>54.630.220.000</u>
Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	<u>685.200.000</u>	<u>700.200.000</u>
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ như sau:		
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty Mua bán điện	46.337.756.103	127.598.712.997
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	10.236.337.822	4.459.346.033
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	4.505.856.863	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	215.218.080	-
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 6	636.159.637	-
	<u>61.931.328.505</u>	<u>132.058.059.030</u>
Phải thu khác		
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 6	26.865.228.573	19.963.104.346
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	<u>-</u>	<u>1.421.000.000</u>
Phải trả		
Trung tâm Công nghệ Thông tin - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	<u>-</u>	<u>55.683.357</u>
Chi phí lãi vay phải trả		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	<u>-</u>	<u>6.876.704.790</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 7.623.750.552 đồng (năm 2014: 5.208.937.488 đồng), là lãi tiền gửi phát sinh trong năm nhưng chưa nhận được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền chi trả lãi vay trong năm không bao gồm 7.887.057.647 đồng (năm 2014: 13.254.735.845 đồng), là chi phí lãi vay phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán. Đồng thời, tiền chi trả lãi vay trong năm cũng không bao gồm 6.876.704.790 đồng (năm 2014: không phát sinh), là tiền lãi vay phát sinh trong năm đã được bù trừ với khoản phải thu tiền bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Vì vậy một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả và phải thu.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THẮC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÁU B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, thông tin so sánh trên báo cáo tài chính hợp nhất có sự thay đổi do sự thay đổi trong chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200.

Một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu năm nay, cụ thể như sau:

Theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC		Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC		Đơn vị: VND	
Tên chi tiêu	Mã số	31/12/2014	Tên chi tiêu	Mã số	31/12/2014
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
I. Tài sản					
1. Đầu tư ngắn hạn	121	257.384.941.666	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	257.384.941.666
2. Phải thu khách hàng	131	133.772.053.697	2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	133.772.053.697
3. Trả trước cho người bán	132	8.928.059.770	3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8.928.059.770
4. Các khoản phải thu khác	135	47.885.322.395	4. Phải thu ngắn hạn khác	136	48.453.262.395
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	567.940.000	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	-
6. Đầu tư dài hạn khác	258	173.080.000.000	6. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	152.080.000.000
7. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	(13.968.828.648)	7. Dự phòng, đầu tư tài chính dài hạn	254	(13.968.828.648)
		607.649.488.880	8. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	21.000.000.000
					607.649.488.880
II. Nguồn vốn					
1. Phải trả người bán	312	22.872.163.965	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	22.872.163.965
2. Người mua trả tiền trước	313	96.954.862	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	96.954.862
3. Chi phí phải trả	316	13.254.735.845	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13.254.735.845
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21.064.769.588	4. Phải trả ngắn hạn khác	319	21.064.769.588
5. Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	2.024.638.250	5. Dự phòng phải trả dài hạn	342	2.024.638.250
6. Vốn cổ phần	411	700.000.000.000	6. Vốn góp của chủ sở hữu	411	700.000.000.000
		759.313.262.510			759.313.262.510

Bùi Thị Kim Na

Người lập biểu

Huyền Văn Khánh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Phú

Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016